

KẾ HOẠCH

Thực hiện “Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Thực hiện Quyết định số 296/QĐ-BNN-KHCN ngày 16/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, định hướng nhiệm vụ và giải pháp trong Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Xác định phát triển khoa học, công nghệ (KHCN) và đổi mới sáng tạo (ĐMST) là nhiệm vụ quan trọng tạo nền tảng, động lực cho phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh, dựa trên cơ sở nâng cao tiềm lực nghiên cứu và chuyển giao trong nước và tiếp thu thành tựu KHCN nước ngoài, chú trọng công nghệ nguồn, công nghệ lõi, thành tựu cách mạng công nghiệp lần thứ tư; coi trọng phát triển nguồn nhân lực, triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh để phát huy tối đa tài năng, tâm huyết của đội ngũ cán bộ KHCN nông nghiệp, các tổ chức KHCN công lập hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh, trong đó lấy doanh nghiệp làm trung tâm. Đồng thời, thu hút các thành phần kinh tế tích cực tham gia phát triển KHCN và ĐMST phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Các Sở, ban ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động, linh hoạt, tích cực triển khai kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ được giao. Việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch đảm bảo tính khoa học, đồng bộ, hiệu quả; thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, giám sát, báo cáo, đánh giá tiến độ thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển KHCN và ĐMST trở thành động lực quan trọng để xây dựng nền nông nghiệp có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại; xây dựng hệ thống các tổ chức KHCN ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có đủ tiềm lực và trình độ tạo ra các sản phẩm khoa học có giá trị cao, tiếp thu chọn lọc và làm chủ các công nghệ tiên tiến, chuyển giao ứng dụng, nhân rộng vào thực tiễn sản xuất; góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của nông dân, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính.

2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao đóng góp của KHCN và ĐMST vào tăng trưởng kinh tế nông nghiệp thông qua các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng KHCN của các tổ chức KHCN công lập và khu vực tư nhân. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng ngành nông nghiệp ở mức 50% trở lên.

- Nhân rộng quy trình sản xuất tốt (VietGAP) hoặc tương đương trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt (VietGAP) hoặc tương đương trở lên đạt 40% trở lên.

- Tỷ lệ kết quả các nhiệm vụ KHCN có sản phẩm là giống cây trồng, vật nuôi, vật tư đầu vào, quy trình công nghệ, thiết bị, tiến bộ kỹ thuật,... được ứng dụng vào sản xuất đạt 90% vào năm 2025 và đạt trên 95% trở lên vào năm 2030.

- Khuyến khích các doanh nghiệp nông nghiệp sản xuất ứng dụng công nghệ cao (CNC) có sự hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC tại các vùng sinh thái theo hướng bền vững: Xây dựng 2-3 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC và hỗ trợ để có ít nhất 5-10 doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC; tỷ lệ Doanh nghiệp nông nghiệp có hoạt động ĐMST chiếm 60% vào năm 2025 và 85% vào năm 2030.

- Khuyến khích các doanh nghiệp nông nghiệp sản xuất ứng dụng công nghệ cao (CNC) có sự hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC tại các vùng sinh thái theo hướng bền vững: Xây dựng 2-3 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC và hỗ trợ để có ít nhất 5-10 doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC; tỷ lệ Doanh nghiệp nông nghiệp có hoạt động ĐMST chiếm 60% vào năm 2025 và 85% vào năm 2030.

III. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KHCN VÀ ĐMST

1. Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

- Huy động, ưu tiên nguồn lực cho nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và ĐMST trong nông nghiệp. Đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật của các tổ chức KHCN công lập đủ điều kiện triển khai các hoạt động

nghiên cứu khoa học, tiếp nhận, trình diễn và chuyển giao công nghệ, tiến bộ kỹ thuật mới vào thực tiễn sản xuất.

- Chú trọng nâng cao công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ KHCN có tâm huyết, chuyên môn hóa cao trên các lĩnh vực trọng tâm của ngành. Triển khai thực hiện cơ chế chính sách thu hút nguồn lực cán bộ nghiên cứu chất lượng cao thông qua việc tạo môi trường làm việc minh bạch, sáng tạo.

- Tăng cường liên kết giữa tổ chức KHCN với doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ; phối hợp chặt chẽ công tác đào tạo - nghiên cứu - chuyển giao.

2. Nhiệm vụ trọng tâm theo các ngành, lĩnh vực

a) Lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật:

- Phối hợp với các Trường Đại học, Viện, Trung tâm,... nghiên cứu, chọn tạo và phát triển các giống lúa mới có năng suất, chất lượng, chống chịu sâu bệnh và điều kiện bất thuận, sử dụng tiết kiệm nước và phân bón, đáp ứng các yêu cầu canh tác giảm phát thải khí nhà kính, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của từng địa phương trong tỉnh. Tiếp tục cải tiến giống các loại cây trồng chủ lực khác như ngô, lạc,...

- Phối hợp với các Trường Đại học, Viện, Trung tâm,... nghiên cứu, chọn tạo các giống cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, hoa và dược liệu chủ lực có năng suất, chất lượng cao.

- Áp dụng công nghệ, quy trình kỹ thuật sản xuất theo hướng ứng dụng CNC, công nghệ số, sản xuất hữu cơ, tuần hoàn gắn với chuỗi giá trị cho các đối tượng cây trồng chủ lực, lợi thế của từng địa phương nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón, giảm thuốc bảo vệ thực vật hóa học, giảm chi phí đầu vào, nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường, giảm phát thải khí nhà kính.

- Phối hợp nghiên cứu, đánh giá độ phì của đất canh tác từ đó đề xuất các giải pháp quản lý, sử dụng, hiệu quả; bổ sung dinh dưỡng, phục hồi đất phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Lĩnh vực chăn nuôi, thú y:

- Tiếp tục lựa chọn giống vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với điều kiện chăn nuôi công nghiệp, áp dụng CNC; ứng dụng các quy trình công nghệ mới, tiên tiến, ứng dụng công nghệ số, nhằm đảm bảo an toàn dịch bệnh, nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn, giảm sử dụng kháng sinh, nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm phát thải khí nhà kính. Phục tráng và phát triển một số giống vật nuôi bản địa, lợi thế cạnh tranh gắn với vùng sinh thái và chỉ dẫn địa lý.

- Áp dụng các kết quả nghiên cứu về dịch tễ học bệnh vật nuôi, đặc biệt với các bệnh mới; nghiên cứu ứng dụng vắc xin, thuốc thú y, sản phẩm thay thế kháng sinh; xây dựng quy trình giám sát chủ động, hướng dẫn phòng trị bệnh hiệu quả và đảm bảo an toàn thực phẩm. ✓

- Ứng dụng CNC, đặc biệt là công nghệ sinh học, công nghệ gen; các chế phẩm chẩn đoán, xét nghiệm bệnh trên động vật; các KIT phát hiện nhanh chất cấm, tồn dư hóa chất, kháng sinh, vi sinh vật ô nhiễm thực phẩm phục vụ giám sát an toàn thực phẩm.

c) Lĩnh vực thủy sản:

- Tiếp tục nghiên cứu, lựa chọn các loại giống thủy sản có khả năng sinh trưởng nhanh, kháng bệnh và chống chịu tốt với điều kiện môi trường bất lợi, đáp ứng điều kiện nuôi công nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ nuôi tiên tiến, công nghệ số, nhằm sử dụng tiết kiệm nước và thức ăn, đảm bảo môi trường bền vững, nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn, giảm thiểu việc sử dụng kháng sinh trong nuôi thủy sản, đảm bảo sản phẩm an toàn thực phẩm, giảm phát thải khí nhà kính.

- Áp dụng các kết quả nghiên cứu về dịch tễ học bệnh thủy sản, đặc biệt với các bệnh mới; nghiên cứu ứng dụng vắc xin, thuốc thú y thủy sản, sản phẩm thay thế kháng sinh; xây dựng quy trình giám sát chủ động, hướng dẫn phòng trị bệnh hiệu quả và đảm bảo an toàn thực phẩm.

d) Lĩnh vực lâm nghiệp

- Ứng dụng chọn, tạo và chuyển giao các giống cây trồng lâm nghiệp chủ lực để phục vụ trồng rừng sản xuất (chú trọng rừng gỗ lớn), rừng phòng hộ; cây lâm sản ngoài gỗ có năng suất, chất lượng và lợi thế cạnh tranh cao ở một số vùng lâm nghiệp tập trung (Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bồ Trách, Quảng Trách, Tuyên Hóa, Minh Hóa).

- Ứng dụng, chuyển giao kỹ thuật trồng rừng thâm canh cung cấp gỗ lớn bằng các loài cây chủ lực, cây lâm sản ngoài gỗ đạt chất lượng cao, phù hợp các tiêu chuẩn về quản lý rừng bền vững.

- Tiếp tục triển khai phát triển hệ thống nông lâm kết hợp, cây trồng phân tán để cung cấp nông, lâm sản theo chuỗi giá trị phù hợp với từng vùng sinh thái kết hợp tạo cảnh quan, gắn với du lịch và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các giải pháp kỹ thuật lâm sinh phục hồi nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn và ven biển để cải thiện khả năng phòng hộ, tăng cường dịch vụ hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, tăng trữ lượng các-bon rừng, bảo vệ cảnh quan và cung cấp lâm sản.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các giải pháp kỹ thuật bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen động vật và thực vật rừng, đặc biệt các loài quý hiếm, có mức đe dọa cao và các loài có giá trị kinh tế.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ số, công nghệ viễn thám trong điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; dự báo và cảnh báo sinh vật hại rừng, cháy rừng; quản lý sử dụng đất lâm nghiệp và rừng, quản lý kinh doanh lâm sản.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các giải pháp kỹ thuật và quản lý nhằm thích

ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính trong lâm nghiệp; tiếp cận và hình thành thị trường các-bon rừng, thúc đẩy phát triển thị trường các-bon rừng thông qua các chương trình, dự án tham gia cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon thu được từ hoạt động tăng cường hấp thụ khí nhà kính trong lâm nghiệp.

đ) Lĩnh vực thủy lợi và phòng chống thiên tai:

- Ứng dụng công nghệ số trong đánh giá, dự báo, cảnh báo diễn biến nguồn nước, chất lượng nước, xâm nhập mặn, ngập úng, bồi lắng, xói lở bờ sông, bờ biển và đề xuất các giải pháp khoa học và công nghệ phù hợp.

- Ứng dụng công nghệ, thiết bị và giải pháp thủy lợi tiên tiến phục vụ sản xuất các cây trồng chủ lực, nuôi trồng thủy sản chủ lực, chuyển đổi đất sản xuất, ứng phó biến đổi khí hậu, cơ sở hạ tầng nông thôn.

- Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong khảo sát, thiết kế, vật liệu mới, thiết bị, xây dựng và quản lý an toàn hồ đập, đê điều và các công trình phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai, phát triển nông thôn.

e) Lĩnh vực công nghệ sau thu hoạch:

Ứng dụng công nghệ, thiết bị phục vụ cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản và chế biến sâu một số sản phẩm nông, lâm, thủy sản chủ lực giúp nâng cao năng suất lao động và nâng tỷ lệ cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp.

3. Triển khai một số chương trình trọng điểm khoa học và công nghệ, và đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp

a) Phát triển công nghệ sinh học:

Thực hiện hiệu quả Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030”, Kế hoạch số 2519/KH-UBND ngày 11/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thực hiện Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đến năm 2030”, với các nhiệm vụ cụ thể:

- Ứng dụng công nghệ tạo các chế phẩm sinh học (sản phẩm phân bón sinh học, thuốc bảo vệ thực vật nguồn gốc sinh học, chế phẩm bảo quản, xử lý môi trường, vắc-xin thế hệ mới, KIT thử...) trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Tiếp nhận, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất ở quy mô công nghiệp; tạo và phát triển được giống cây trồng, vật nuôi mang tính trạng cải tiến như: chống chịu các loại sâu bệnh hại chính, các điều kiện bất thuận, sinh trưởng nhanh... bằng công nghệ chỉ thị phân tử, chỉnh sửa gen.

- Đẩy mạnh xây dựng và phát triển công nghiệp sinh học trong nông nghiệp, ưu tiên nhóm sản phẩm giống cây trồng, vật nuôi, quy trình công nghệ nhân nuôi cây mô tế bào, chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu

cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh phát thải thấp, chế phẩm chẩn đoán, vắc xin phòng trị bệnh.

b) Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

Thực hiện Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030; Kế hoạch số 481/KH-UBND, ngày 30/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2020- 2025, ưu tiên thực hiện:

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng CNC tập trung vào: ứng dụng hiệu quả công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp; xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, sản xuất hàng hoá lớn, có giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cao; hình thành, phát triển một số khu, vùng và doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng CNC. Một số nhiệm vụ trọng tâm:

+ Phát triển và làm chủ được một số công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp, ứng dụng có hiệu quả vào hoạt động sản xuất sản phẩm nông nghiệp CNC quy mô hàng hóa.

+ Thúc đẩy ứng dụng CNC, công nghệ tiên tiến để sản xuất một số sản phẩm nông nghiệp có giá trị gia tăng cao.

+ Xây dựng các mô hình trình diễn về cơ giới hoá đồng bộ từ sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản với công nghệ và thiết bị tiên tiến, có mức độ cơ giới hóa và tự động hóa cao để khuyến cáo cho các doanh nghiệp áp dụng vào sản xuất.

d) Phát triển và áp dụng công nghệ số trong nông nghiệp:

- Phát triển và hướng đến đồng bộ các công cụ phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, số hóa, tạo lập dữ liệu, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

- Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp nông thôn. Phát triển quản lý chuỗi cung ứng nông sản theo ứng dụng blockchain, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã chuyển đổi số trong nông nghiệp. Tăng đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng chính phủ điện tử. Phát triển khuyến nông điện tử, thương mại điện tử. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ cao trong thu thập, quản lý thông tin, phân tích dữ liệu và cảnh báo dịch bệnh, thiên tai; quản lý vùng nguyên liệu.

đ) Phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính: ✓

- Phát triển nông nghiệp xanh trên cơ sở ứng dụng đồng bộ các quy trình, công nghệ sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật tư đầu vào, giảm phát thải cho sản xuất nông nghiệp, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao tính cạnh tranh của nông sản.

- Ứng dụng công nghệ xử lý và tái sử dụng các phế thải, phụ phẩm, mang lại giá trị gia tăng trong chuỗi sản xuất nông nghiệp, ổn định kinh tế, bảo vệ tài nguyên và hệ sinh thái nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp sinh thái, đa dạng thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích áp dụng các công nghệ hiện đại, các giống cây trồng, vật nuôi có tính chống chịu cao.

- Phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp. Ứng dụng công nghệ và áp dụng tiến bộ khoa học vào quá trình phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn nông nghiệp phù hợp với địa phương.

- Khuyến khích nông dân, doanh nghiệp, người tiêu dùng tham gia thực hiện các giải pháp phát triển xanh, nông nghiệp tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính.

e) Nghiên cứu các giải pháp khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới:

Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

- Triển khai thực hiện các giải pháp KHCN trong phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn, kinh tế tuần hoàn, công nghệ thực phẩm nông nghiệp, phát triển làng nghề; thúc đẩy chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới; phát triển du lịch nông thôn.

- Ứng dụng và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn phù hợp với điều kiện đặc thù, phát huy được thế mạnh của địa phương trên cơ sở ứng dụng thành tựu KHCN; các dự án kinh tế xanh, tuần hoàn, sử dụng hiệu quả phụ phẩm nông nghiệp...; khuyến khích các đề tài, dự án, mô hình nhằm thúc đẩy liên kết sản xuất và phát triển thị trường theo chuỗi giá trị sản phẩm.

- Triển khai thực hiện mô hình xây dựng nông thôn mới gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, bảo vệ môi trường và cảnh quan nông thôn. Áp dụng số hóa trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh.

4. Hoạt động đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp

- Thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào công nghệ chọn tạo giống, công nghệ chăm sóc, theo dõi theo các tiêu chuẩn an toàn, truy xuất nguồn gốc, công nghệ bảo quản, công nghệ chế biến; tập trung triển khai các mô hình canh tác tiên tiến hiệu quả theo tiêu chuẩn.

- Ứng dụng các công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ số xây dựng nền nông nghiệp thông minh, an toàn, hiệu quả và bền vững. ✓

- Hình thành các hệ thống đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp gắn với các mô hình kinh tế nông nghiệp, các chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị ngành hàng, sản phẩm có giá trị kinh tế cao,... góp phần tích cực vào gắn kết giữa phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân.

5. Phát triển lĩnh vực dịch vụ ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của ngành nông nghiệp

- Triển khai thực hiện hệ thống mạng lưới dịch vụ thông tin KH-CN ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cập nhật, tổng hợp, phân tích, hình thành cơ sở dữ liệu lớn và cung cấp thông tin về thành tựu KH-CN và ĐMST như: các giống cây trồng vật nuôi mới, quy trình công nghệ mới; tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; các mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới, nông nghiệp ứng dụng CNC, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, yêu cầu chỉ đạo và quản lý.

- Xây dựng kế hoạch hàng năm phổ biến kiến thức KH-CN, các mô hình ứng dụng thành công các tiến bộ kỹ thuật, quy trình công nghệ mới, ứng dụng nông nghiệp CNC cho doanh nghiệp, trang trại và nông dân để áp dụng rộng rãi trong sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và các phương tiện truyền thông đại chúng để phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ, hỗ trợ phát triển các dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để phục vụ nhu cầu của người sản xuất, kinh doanh.

- Phát triển thị trường KH-CN nhằm thương mại hóa sản phẩm hình thành từ các hoạt động KH-CN và ĐMST trong nông nghiệp.

IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Truyền thông, đổi mới tư duy trong phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Truyền thông, nâng cao nhận thức của các cấp quản lý, doanh nghiệp và người dân về vị trí, vai trò của KH-CN và ĐMST; đổi mới tư duy để KH-CN và ĐMST trở thành khâu đột phá đưa kinh tế nông nghiệp phát triển mạnh mẽ; chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh, bền vững với môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

- Nâng cao hiệu quả trong xây dựng định hướng nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo; quản trị tổ chức, nhân sự để sử dụng hiệu quả nguồn lực được đầu tư, tạo ra các sản phẩm khoa học, công nghệ được đưa vào sản xuất.

2. Triển khai thực hiện các chính sách tạo động lực cho phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. Tăng cường hợp tác công - tư trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát

triển đồng bộ, gắn kết chặt chẽ các lĩnh vực khoa học với doanh nghiệp, ưu tiên nâng cao năng lực đón đầu các ứng dụng KHHCN tiên phong ở trình độ cao.

- Bảo đảm các nguyên tắc công khai, minh bạch, độc lập phản biện trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHHCN; đánh giá độc lập và giám sát xã hội, công khai, phổ biến kết quả hoạt động KHHCN.

3. Nâng cao năng lực hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của các tổ chức nghiên cứu và chuyển giao công nghệ công lập, kết hợp đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư cho KHHCN và ĐMST.

- Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo; thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức hỗ trợ trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới sáng tạo.

4. Huy động nguồn lực cho phát triển khoa học và công nghệ

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, tham gia mạnh hơn vào hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ.

- Huy động và phát huy tối đa các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn đầu tư từ doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và nguồn vốn nước ngoài cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, chuyển giao phục vụ phát triển ngành nông nghiệp. Triển khai thực hiện cơ chế hợp tác công - tư để huy động nguồn lực từ khu vực kinh tế tư nhân trong và ngoài nước trong hoạt động KHHCN.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ và chuyển giao công nghệ mới, mua công nghệ trong nước hoặc nước ngoài để phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn.

5. Tăng cường đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ

- Xây dựng đội ngũ cán bộ KHHCN có tâm huyết, chuyên môn hóa cao, có kinh nghiệm, có khả năng nghiên cứu kết hợp tư vấn, chuyển giao sản phẩm KHHCN trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp góp phần đảm bảo chất lượng và nâng cao hiệu quả sử dụng các sản phẩm của nghiên cứu, chuyển giao.

- Nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông, xã hội hóa hoạt động khuyến nông cho các tổ chức của nông dân và doanh nghiệp.

- Phối hợp chặt chẽ công tác đào tạo - nghiên cứu - khuyến nông. Chú trọng nâng cao trình độ cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông đáp ứng nhu cầu công nghệ mới, đặc biệt là kỹ năng về công nghệ số và các công nghệ thế hệ mới. Đào tạo, tập huấn về tiếp thị, thương mại, vận hành thị trường KHHCN.

6. Tăng cường hợp tác trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Chủ động, tích cực tham gia hợp tác về KH&CN và ĐMST với các tổ chức trong và ngoài nước.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, nguồn tài trợ của các nước, các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Mở rộng hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn vốn ngân sách (Trung ương, địa phương) lồng ghép của các nhiệm vụ chi thường xuyên trong dự toán ngân sách nhà nước được giao; huy động và phát huy tối đa các nguồn lực đầu tư từ doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và nguồn vốn nước ngoài.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực, phối hợp với các ngành chức năng liên quan, các địa phương theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các nội dung Kế hoạch; báo cáo tình hình thực hiện Chiến lược và định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT; tổ chức sơ kết việc thực hiện Chiến lược đầu năm 2026 và tổng kết vào đầu năm 2031;

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ KH&CN ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn (bao gồm cả nghiệp vụ công tác khuyến nông); tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình khuyến nông tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 theo hướng đổi mới hơn nữa hoạt động công tác Khuyến nông.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan, các địa phương rà soát, lựa chọn các tổ chức KH&CN được xác định ưu tiên trong Chiến lược để đưa vào kế hoạch tăng cường tiềm lực KH&CN; tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan, các địa phương cân đối ngân sách, tham mưu bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo quy định của pháp luật.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Quảng Bình, Đài Phát thanh - Truyền hình... tuyên truyền về nội dung Kế hoạch thực hiện “Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” tới toàn thể nhân dân.

5. Các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Lao động, Thương binh và Xã hội, Du lịch, Văn hóa và Thể thao; Ban Quản lý Khu kinh

tế, Cục Hải quan, Ngân hàng Nhà nước Quảng Bình; UBND các huyện, thành phố, thị xã: Chủ động lồng ghép Kế hoạch thực hiện Chiến lược đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của từng lĩnh vực; trực tiếp tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị, địa phương; cụ thể hoá các mục tiêu, định hướng nhiệm vụ và giải pháp trong Kế hoạch với kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn của địa phương.


6. Các doanh nghiệp, tổ chức KHCN của doanh nghiệp khu vực nhà nước và tư nhân chủ động triển khai các hoạt động KHCN và ĐMST trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược và phù hợp với chiến lược phát triển của doanh nghiệp.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT; (B/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, địa phương có tên ở mục VI;
- VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm